

Số: 287/HD-HNCT
HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH BẮC GIANG

Số:50.....
ĐẾN Ngày: 23/5/2022
Chuyên:.....
Lưu hồ sơ số:.....

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Thi hành Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam khóa VI, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (nhiệm kỳ 2021-2026) thông qua ngày 13 tháng 01 năm 2022, được Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 288 /QĐ-BNV ngày 06 tháng 4 năm 2022, gồm 08 Chương, 34 Điều.

Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội trong các cấp Hội như sau:

1. Hội viên (Điều 9)

a) Điều kiện gia nhập Hội

- Công dân Việt Nam đủ 60 (sáu mươi) tuổi trở lên, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được chi hội hoặc Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở (nơi chưa có chi hội) đồng ý thì được công nhận là hội viên chính thức, được cấp thẻ hội viên

- Trường hợp công dân Việt Nam từ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi, tán thành Điều lệ Hội, nếu tự nguyện tham gia Hội hoặc là cán bộ được cấp có thẩm quyền phân công làm cán bộ Hội thì được công nhận là hội viên chính thức.

- Công dân Việt Nam không có điều kiện là hội viên chính thức của Hội; tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội thì được công nhận là hội viên danh dự. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết, bầu cử, ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo, ban kiểm tra của Hội.

- Người muốn gia nhập Hội, kể cả hội viên danh dự phải có đơn xin vào Hội (theo mẫu thống nhất gửi kèm) báo cáo tổ hội, chi hội công nhận. Trường hợp có nguyện vọng vào Hội nhưng không viết được đơn thì gặp tổ hội, chi hội đề nghị; tổ hội báo cáo chi hội xem xét công nhận hội viên. Sau khi công nhận hội viên, chi hội báo cáo danh sách với Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở và ghi tên vào danh sách hội viên. Nơi chưa có chi hội, tổ hội thì người xin vào Hội báo cáo trực tiếp lãnh đạo Hội cấp xã trình Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở công nhận hội viên.

b) Xóa tên hội viên và kết nạp lại hội viên

- Hội viên vi phạm Điều lệ Hội; vi phạm pháp luật đến mức phải xóa tên hội viên do tổ hội xem xét, báo cáo chi hội quyết định và báo cáo Ban Chấp hành Hội Người cao

tuổi cơ sở. Người bị xóa tên thời gian ít nhất sau 01 năm, muốn tiếp tục tham gia sinh hoạt Hội phải có đơn, tổ hội xem xét, chi hội công nhận và báo cáo Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở.

- Việc xóa tên hội viên, kết nạp lại hội viên phải có trên 50% số hội viên của tổ hội, chi hội đồng ý. Nơi chưa có chi hội, Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở xem xét quyết định việc xóa tên, kết nạp lại hội viên.

c) Thẻ hội viên

- Thẻ hội viên do Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam thống nhất phát hành, Chủ tịch Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đương nhiệm ký. Thẻ hội viên phát hành các nhiệm kỳ đều có giá trị như nhau.

- Hội viên được Hội Người cao tuổi cơ sở cấp thẻ, có trách nhiệm bảo quản thẻ, sử dụng thẻ trong sinh hoạt Hội và trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Hội Người cao tuổi cơ sở phát thẻ cho hội viên thông qua chi hội, tổ hội. Trường hợp thẻ bị hỏng, bị mất, Hội Người cao tuổi cơ sở tổng hợp báo cáo với tổ chức Hội cấp trên để đổi hoặc cấp lại thẻ cho hội viên.

2. Nhiệm vụ của hội viên (Điều 10)

a) Sinh hoạt hội

- Hội viên sinh hoạt, hoạt động, thực hiện nghĩa vụ và quyền của hội viên tại một tổ chức cơ sở Hội. Hội viên được tham gia câu lạc bộ Người cao tuổi ở nơi khác theo tinh thần tự nguyện và chấp hành quy định của nơi đó.

- Hội viên tham gia Ban Chấp hành, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi các cấp phải tham gia sinh hoạt Hội tại nơi cư trú và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền hạn của hội viên.

- Hội viên phải chấp hành đầy đủ Điều lệ Hội, các nghị quyết của Hội. Đối với hội viên già yếu, đi lại khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi... nếu có nguyện vọng được miễn sinh hoạt.

b) Hội phí

- Hội viên chính thức và hội viên danh dự đóng hội phí 2000 đồng/tháng (do hội viên chi hội thảo luận quyết định). Hội viên là người già yếu, không nơi nương tựa, hoàn cảnh thực sự khó khăn có thể được miễn hoặc giảm 50% hội phí; việc miễn, giảm hội phí do chi hội quyết định và báo cáo với Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở. Hội khuyến khích hội viên có điều kiện tự nguyện đóng hội phí nhiều hơn mức quy định. Việc thu hội phí của hội viên theo từng tháng, có thể nộp theo quý hoặc cả năm do chi hội quyết định.

- Căn cứ điều kiện cụ thể, Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở quyết định trích để lại cho chi hội hoạt động ít nhất 70% số hội phí thu được, số còn lại nộp cho Hội cơ sở. Hội phí của Hội được sử dụng vào các hoạt động: Hội họp; mua văn phòng phẩm, tài liệu học tập, báo chí; thăm hỏi hội viên ốm đau và chi thù lao cho cán bộ chi hội nhưng phải được hội viên thảo luận đồng ý.

3. Quyền của hội viên (Điều 11)

a) Hội viên được chi hội, tổ hội cung cấp thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; quy định của địa phương liên quan tới Người cao tuổi.

b) Hội viên được quyền chất vấn, phê bình, giám sát các cơ quan lãnh đạo hoặc cá nhân lãnh đạo của Hội về những vấn đề liên quan đến Người cao tuổi và Hội Người cao tuổi. Khi phát hiện tổ chức Hội, cán bộ Hội các cấp có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Hội, hội viên báo cáo với tổ hội, chi hội hoặc tổ chức Hội cấp trên xem xét giải quyết.

c) Hội viên được thảo luận và biểu quyết công việc của Hội theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, nói và làm theo nghị quyết của tổ chức Hội. Hội viên chính thức được ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi và lãnh đạo chi hội, tổ hội; ứng cử hoặc đề cử người tham gia tổ chức Hội cấp trên khi có yêu cầu.

d) Được phát huy uy tín, khả năng, kinh nghiệm sống trong gia đình và xã hội.

- gương mẫu thực hiện và vận động mọi người cùng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; góp phần tuyên truyền, giáo dục con cháu trong gia đình và thế hệ trẻ về truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của gia đình, dòng họ và địa phương;

- Truyền thụ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của bản thân cho con cháu trong gia đình, cộng đồng; tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở và các hoạt động của địa phương.

- Tùy theo khả năng điều kiện, hội viên tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, các quy định của địa phương và khu dân cư.

4. Đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc (Điều 13)

Đại biểu chính thức tham dự Đại hội toàn quốc thực hiện theo Kế hoạch Đại hội của Ban Chấp hành và phân bổ đại biểu của Ban Thường vụ Trung ương Hội, bao gồm:

- Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đương nhiệm là đại biểu chính thức của Đại hội;

- Hội viên chính thức được Hội Người cao tuổi, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh hiệp thương cử tham dự Đại hội;

- Cán bộ Hội là Người cao tuổi công tác tại cơ quan Trung ương Hội và các đơn vị trực thuộc Trung ương Hội;

- Người làm việc chuyên trách tại cơ quan Trung ương Hội nhưng chưa phải là Người cao tuổi;

- Đại diện lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể, hội quần chúng được mời tham dự Đại hội (là nhân sự được giới thiệu để bầu tham gia Ban chấp hành);

- Một số trường hợp khác theo yêu cầu công tác được Ban Thường vụ chỉ định.

5. Văn phòng và các ban chuyên môn (Điều 18)

- Văn phòng, các ban chuyên môn được thành lập ở cơ quan Trung ương Hội; là bộ phận tham mưu giúp việc Thường trực Hội, triển khai các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ và pháp luật;

- Căn cứ định biên được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao, cơ quan Trung ương Hội tuyển dụng đủ biên chế vào làm việc tại văn phòng và các ban chuyên môn; công tác tuyển dụng, sử dụng thực hiện theo quy định của pháp luật và cơ quan Trung ương Hội;

- Căn cứ yêu cầu vị trí làm việc, tiêu chuẩn, điều kiện cán bộ; cơ quan tuyển dụng một số cán bộ đã nghỉ hưu làm việc tại văn phòng và các ban chuyên môn theo chế độ hợp đồng lao động;

- Cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc Trung ương Hội thực hiện theo đề án được Ban thường vụ phê duyệt.

6. Nhiệm kỳ Đại hội Hội NCT ở các cấp (khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 22)

- Nhiệm kỳ Đại hội Hội Người cao tuổi ở các cấp là 5 năm. Do sáp nhập, chia tách tổ chức Hội; do yêu cầu công tác cán bộ hoặc những lý do đặc biệt khác; Đại hội Hội NCT ở các cấp có thể tiến hành sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá 01 năm;

- Việc tổ chức Đại hội sớm hơn hoặc muộn hơn, Hội Người cao tuổi phải có văn bản báo cáo được cấp ủy, chính quyền cùng cấp, Hội Người cao tuổi cấp trên trực tiếp đồng ý.

7. Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, cấp huyện (Điều 20)

a) Tổ chức

- Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện có cán bộ chuyên trách, có con dấu, trụ sở, có tài khoản riêng; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ được giao.

- Đại hội có nhiệm vụ: Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; Bầu Ban Chấp hành; Bầu Ban Kiểm tra; Hiệp thương cử đại biểu dự Đại hội Hội cấp trên.

- Điều lệ Hội: Đại hội cấp dưới thống nhất với Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam thì không phải xây dựng Điều lệ riêng.

b) Ban Chấp hành

- Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định có từ 15-27 ủy viên, có thể tăng thêm tùy theo yêu cầu của địa phương. Ngoài số Ủy viên Thường

trực có đại diện một số ngành, đoàn thể liên quan nhiều đến hoạt động của NCT tham gia Ban Chấp hành và một số Chủ tịch Hội cấp dưới.

- Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số Ủy viên Ban Thường vụ. Số Ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 số ủy viên Ban Chấp hành. Khi khuyết Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Ban Chấp hành bầu bổ sung nhưng không quá 1/3 số Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội bầu. Ban Chấp hành họp thường kỳ 6 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần.

- Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện có nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành, chuẩn bị và triệu tập các hội nghị Ban Chấp hành. Ban Thường vụ họp thường kỳ 3 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện thay mặt Ban Thường vụ điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ. Chủ tịch Hội là người đại diện cho Hội trước pháp luật.

- Ủy viên Ban Chấp hành khi thôi công tác Hội hoặc do sức khỏe yếu không đảm nhận được công việc, Ban Thường vụ xem xét, quyết định cho thôi ủy viên Ban Chấp hành, báo cáo UBND cùng cấp, tổ chức Hội cấp trên, đồng thời báo cáo Ban Chấp hành trong phiên họp gần nhất và thông báo cho các tổ chức Hội trực thuộc.

c) Nhiệm vụ

- Tham mưu và nhận sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh về công tác Hội Người cao tuổi. Định kỳ báo cáo kết quả công tác, xin ý kiến về chủ trương, kế hoạch công tác của Hội, sơ kết, tổng kết công tác và kiến nghị với cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh những vấn đề liên quan đến công tác Hội và Người cao tuổi.

- Tổ chức thực hiện chủ trương công tác của Hội Người cao tuổi Việt Nam; định kỳ báo cáo với Trung ương Hội (đối với Hội cấp tỉnh) báo cáo với Hội cấp tỉnh (đối với Hội cấp huyện) kết quả hoạt động và những kiến nghị của địa phương.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Hội Người cao tuổi cấp huyện, Hội Người cao tuổi cơ sở; hướng dẫn và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Hội.

- Tập hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Người cao tuổi; báo cáo kết quả thực hiện chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; hướng dẫn tổ chức Hội cấp huyện và cơ sở tuyên truyền, vận động hội viên thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước và tham gia công tác ở nơi cư trú.

8. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh (Điều 21)

a) Tổ chức

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh có từ 11-17 thành viên gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên thường trực, cán bộ lãnh đạo một số ngành, đoàn thể liên quan, một số Trưởng Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện.

- Trưởng Ban Đại diện Hội Người cao tuổi làm chuyên trách là hội viên Người cao tuổi; số lượng Phó Trưởng ban có từ 1-2 người do UBND cấp tỉnh quyết định, trong đó ít nhất có một hội viên Người cao tuổi làm chuyên trách.

- Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh có thời gian là 5 năm, được tính theo nhiệm kỳ Đại hội toàn quốc Hội Người cao tuổi Việt Nam. Khi thành viên Ban Đại diện nghỉ làm việc hoặc chuyển công tác ra ngoài chức danh cơ cấu thì đương nhiên thôi tham gia Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh.

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh được bố trí trụ sở làm việc, có cán bộ chuyên trách, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ được giao, có con dấu, có tài khoản riêng. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh tham mưu, báo cáo cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cán bộ chuyên trách có từ 3-5 người, trong đó chủ yếu là hội viên Người cao tuổi, ngoài ra có thể có cán bộ là công chức, viên chức, hoặc nhân viên hợp đồng.

- Hằng năm, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh lập dự toán chi ngân sách hoạt động của Hội, gồm: tiền lương, thù lao của cán bộ chuyên trách và phụ cấp cán bộ kiêm nhiệm (thành viên Ban Đại diện), nhiệm vụ công tác trong năm, các chi phí đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ để báo cáo cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

b) Nhiệm vụ

- Tham mưu và nhận sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh về công tác Hội Người cao tuổi. Định kỳ báo cáo kết quả công tác, xin ý kiến về chủ trương, kế hoạch công tác của Hội, sơ kết, tổng kết công tác và kiến nghị với cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh những vấn đề liên quan đến công tác Hội và Người cao tuổi.

- Tổ chức thực hiện chủ trương công tác của Hội Người cao tuổi Việt Nam; định kỳ báo cáo với Trung ương Hội kết quả hoạt động; những kiến nghị nếu có của Hội Người cao tuổi địa phương.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện, Hội Người cao tuổi cấp cơ sở; hướng dẫn và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Hội thuộc phạm vi phụ trách.

- Tập hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Người cao tuổi; báo cáo kết quả thực hiện chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; hướng dẫn tổ chức hội cấp huyện và cơ sở tuyên truyền, vận động hội viên thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước và tham gia công tác ở nơi cư trú.

- Tổ chức tổng kết công tác theo nhiệm kỳ Đại hội toàn quốc, tham mưu cấp ủy, chính quyền cùng cấp kiện toàn nhân sự Ban Đại diện.

9. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện (Điều 21)

a) Tổ chức

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập (khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền).

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện có từ 9 -13 thành viên, bao gồm Trưởng ban là hội viên chính thức Người cao tuổi; 1-2 Phó Trưởng ban, một số cán bộ lãnh đạo một số ngành, đoàn thể liên quan và một số Chủ tịch Hội Người cao tuổi cơ sở.

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện tham mưu, báo cáo cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định số lượng cán bộ chuyên trách gồm có 2-3 người, trong đó chủ yếu là hội viên chính thức Người cao tuổi hoặc có cán bộ kiêm nhiệm, nhân viên hợp đồng.

- Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện là 5 năm theo nhiệm kỳ Đại hội Hội Người cao tuổi Việt Nam. Khi thành viên Ban Đại diện nghỉ hoặc chuyển công tác khác ngoài chức danh cơ cấu thì đương nhiên thôi thành viên Ban Đại diện Hội cấp huyện.

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện có trụ sở làm việc, có cán bộ chuyên trách, có con dấu, có tài khoản riêng; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ được giao.

- Hằng năm, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện lập dự toán chi ngân sách về nhiệm vụ và hoạt động của Hội, tiền lương, thù lao của cán bộ chuyên trách và phụ cấp của cán bộ kiêm nhiệm (thành viên Ban Đại diện), nhiệm vụ công tác trong năm báo cáo cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

b) Nhiệm vụ

- Tham mưu và nhận sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp huyện về công tác Hội NCT; định kỳ báo cáo kết quả công tác, xin ý kiến về chủ trương, kế hoạch công tác của Hội, sơ kết, tổng kết công tác và kiến nghị với cấp ủy, chính quyền cấp huyện về những vấn đề có liên quan đến công tác Hội và Người cao tuổi.

- Tổ chức thực hiện chủ trương công tác của Hội Người cao tuổi Việt Nam, của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh; định kỳ báo cáo với Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh kết quả hoạt động và những kiến nghị của địa phương.

- Hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Hội Người cao tuổi cấp cơ sở; thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi phụ trách.

- Tập hợp và phản ánh ý kiến, kiến nghị của Người cao tuổi; báo cáo kết quả thực hiện chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; hướng dẫn tổ chức Hội Người cao tuổi cấp cơ sở tuyên truyền, vận động hội viên thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước và tham gia công tác ở nơi cư trú.

10. Đại hội, Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở (Điều 22)

a) Đại hội

- Đại hội Hội Người cao tuổi cơ sở tổ chức toàn thể hoặc Đại hội đại biểu hội viên là cơ quan lãnh đạo của Hội cơ sở, do Ban Chấp hành Hội cơ sở triệu tập 5 năm 1 lần

- Đại hội toàn thể khi Hội cơ sở có dưới 200 hội viên

- Đại hội đại biểu khi Hội cơ sở có từ 200 hội viên trở lên, việc phân bổ đại biểu dự Đại hội do Ban chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở quyết định

b) Ban Chấp hành

- Ban Chấp hành Hội cơ sở do đại hội bầu từ 5-17 ủy viên, trong đó có đại diện một số chi hội và tổ chức có liên quan đến công tác Người cao tuổi. Ban Thường vụ có từ 3 - 5 ủy viên nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số Ủy viên Ban Chấp hành. Nơi có dưới 9 Ủy viên Ban Chấp hành chỉ bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch, không bầu Ban Thường vụ. Đại hội bầu Ban Kiểm tra có từ 3-5 ủy viên gồm Trưởng Ban Kiểm tra, Phó Trưởng Ban và các ủy viên.

- Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở chịu sự lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền cùng cấp và hướng dẫn công tác tổ chức Hội cấp trên.

- Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở do Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định công nhận. Kết quả bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra phải báo cáo Ban Đại diện, Hội Người cao tuổi cấp huyện.

Khi cần, Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở được bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành nhưng không quá 1/3 số ủy viên do đại hội bầu; được cử lãnh đạo Hội cơ sở tham gia Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp trên và sau đó thông báo cho các chi hội biết. Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở phân công ủy viên phụ trách các công tác: Văn phòng, tổ chức, thi đua khen thưởng, tài chính, chăm sóc, phát huy vai trò Người cao tuổi, phụ trách chi hội. Ban Kiểm tra của Hội Người cao tuổi cơ sở thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam.

c) Việc thôi tham gia Ban Chấp hành

- Ủy viên Ban Chấp hành khi chuyển khỏi nơi cư trú, khi thôi công tác Hội do sức khỏe yếu không đảm nhận được công việc, Ban Thường vụ xem xét, quyết định cho thôi ủy viên Ban Chấp hành, báo cáo UBND cùng cấp, tổ chức Hội cấp trên, đồng thời báo cáo Ban Chấp hành trong phiên họp gần nhất và thông báo cho các chi hội.

- Ủy viên Ban Chấp hành vi phạm Điều lệ Hội, tùy theo tính chất, mức độ, Ban Chấp hành xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành. Việc xóa tên phải có sự tán thành của trên 50% số ủy viên Ban Chấp hành đương nhiệm. Ban Chấp hành báo cáo với cấp ủy, chính quyền cơ sở, tổ chức Hội cấp trên trực tiếp và thông báo với các chi hội.

11. Chi hội, tổ hội (Điều 23)

a) Tổ chức

- Chi hội được tổ chức tại thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc, khu dân cư, tổ dân phố. Những chi hội có đông hội viên tổ chức các tổ hội trực thuộc.

- Chi hội trưởng, chi hội phó; tổ hội trưởng, tổ hội phó được bầu theo nhiệm kỳ của Hội Người cao tuổi cơ sở.

- Chi hội chịu sự lãnh đạo của chi ủy và Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở. Chi hội, tổ hội họp thường kỳ 6 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần.

- Chi hội có chi hội trưởng và một số chi hội phó, do Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở giới thiệu hoặc do chi hội bầu. Khi thay đổi chi hội trưởng, chi hội phó, chi hội báo cáo Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi cơ sở để bổ sung hoặc thay thế. Khi cần thiết, Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở chỉ định chi hội trưởng, chi hội phó.

- Tổ trưởng, tổ phó tổ hội do hội viên bầu hoặc chi hội chỉ định.

b) Nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định tại điểm 2, Điều 23 Điều lệ Hội và hướng dẫn của tổ chức Hội cấp trên; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, phát huy vai trò Người cao tuổi trong phạm vi chi hội quản lý. Chi hội thu hội phí của hội viên, quản lý và sử dụng có hiệu quả phần thu hội phí được để lại cho chi hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở.

12. Bầu Ban Kiểm tra (Điều 24)

- Ban Kiểm tra do Đại hội bầu trong số đại biểu chính thức tham dự Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

- Trưởng ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu, Phó trưởng ban Kiểm tra do Ban kiểm tra bầu trong số các thành viên của Ban Kiểm tra.

13. Xem xét, giải quyết đơn, thư khiếu nại trong hệ thống tổ chức Hội (điểm 4, Điều 25)

a) Thẩm quyền giải quyết

- Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra của Hội Người cao tuổi các cấp và Ban Đại diện, Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, cấp huyện có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại liên quan đến hội viên và tổ chức Hội theo thẩm quyền.

- Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra của Hội Người cao tuổi cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét khiếu nại của hội viên do chi hội đề nghị; trường hợp cần thiết, báo cáo với Ban Chấp hành cơ sở Hội hoặc Ban Đại diện, Hội Người cao tuổi cấp trên giải quyết.

- Tổ chức Hội Người cao tuổi cấp trên chỉ giải quyết những khiếu nại do tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp đã giải quyết nhưng người khiếu nại chưa đồng tình.

Đơn thư khiếu nại vượt cấp chuyển lại cho tổ chức Hội Người cao tuổi cấp dưới xử lý theo thẩm quyền và thông báo cho người khiếu nại biết.

- Khi nhận được khiếu nại, tổ chức Hội Người cao tuổi thông báo cho tổ chức và người khiếu nại biết. Trường hợp khiếu nại thuộc thẩm quyền xử lý của cấp mình, chậm nhất trong vòng 45 ngày phải xem xét xử lý xong.

b) Giải quyết tố cáo đối với tổ chức Hội và hội viên

- Cán bộ, hội viên khi tố cáo phải nói đúng sự thật, ghi rõ họ tên, tuổi, địa chỉ, chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo của mình và chỉ gửi đến những cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Khi nhận được đơn thư tố cáo của tổ chức Hội, cán bộ, hội viên, việc giải quyết phải thực hiện theo đúng thẩm quyền và phân cấp quản lý: Chậm nhất 60 ngày đối với Hội cấp tỉnh, huyện, cơ sở; 90 ngày đối với Ban Thường vụ Trung ương Hội; hết thời hạn mà chưa giải quyết xong phải thông báo cho người tố cáo biết lý do.

- Không để người tố cáo hoặc người bị tố cáo chủ trì giải quyết nội dung tố cáo có liên quan. Nghiêm cấm và kiên quyết xử lý tổ chức, cán bộ, hội viên trù dập người tố cáo.

- Tổ chức Hội, cán bộ, hội viên bị tố cáo phải giải trình sự việc một cách trung thực, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời với tổ chức Hội hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Đối với nội dung tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội, phải kịp thời chuyển đơn thư tố cáo đó đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo có người tố cáo biết hoặc trả lại cho người tố cáo hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Không xem xét giải quyết những đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên, không liên quan đến Người cao tuổi; không có địa chỉ và nội dung cụ thể; không có căn cứ thẩm tra, xác minh.

c) Những trường hợp khiếu nại không được xem xét giải quyết

Những khiếu nại đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận mà không có chứng cứ mới; việc khiếu nại đã được Tòa án thụ lý hoặc đã được giải quyết bằng bản án, bằng quyết định của Tòa án theo quy định của Luật Khiếu nại.

14. Tài chính, tài sản của Hội (Điều 26, Điều 29)

- Hàng năm, tùy theo quy định về ngân sách của chính quyền địa phương, các tổ chức Hội/Ban đại diện chủ động lập dự toán hoạt động của năm sau, trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước, cấp ủy, UBND cùng cấp giao, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; thực hiện việc quyết toán thu chi và kiểm kê tài sản của đơn vị mình theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Trung ương Hội kiểm tra công tác tài chính, tài sản của cơ quan Trung ương Hội và các đơn vị trực thuộc Trung ương Hội theo quy định của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam.

- Ban Thường vụ Hội, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, cấp huyện kiểm tra công tác tài chính, tài sản của Văn phòng Hội cấp mình và đơn vị trực thuộc (nếu có).

- Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi cơ sở kiểm tra công tác tài chính, tài sản của Hội NCT cơ sở và chi hội.

15. Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò Người cao tuổi (Điều 28)

Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò Người cao tuổi ở các cấp, chân quỹ ở chi hội do Ban Thường vụ Trung ương Hội hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

16. Khen thưởng tổ chức Hội và cán bộ, hội viên (Điều 31)

Thực hiện theo Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Trung ương Hội (số /85 /QĐ-HNCT ngày 10/5/2022).

Thẩm quyền khen thưởng:

- Chi hội biểu dương tổ hội, hội viên đạt danh hiệu “Tuổi cao - Gương sáng” trong chi hội.

- Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở công nhận, biểu dương chi hội, cán bộ, hội viên đạt danh hiệu “Tuổi cao - Gương sáng” trong Hội cơ sở.

- Ban Đại diện, Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cấp huyện tặng giấy khen cho các tập thể Hội cơ sở, chi hội, cá nhân cán bộ, hội viên trong địa phương mình đạt thành tích xuất sắc; đề nghị cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể cùng cấp và cấp trên khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Ban Đại diện, Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cấp tỉnh tặng Bằng khen hoặc giấy khen cho các tập thể, cán bộ, hội viên trong địa phương mình đạt thành tích xuất sắc; đề nghị cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể cùng cấp và cấp trên khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

17. Hiệu lực thi hành (Điều 34)

Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Tổ chức Hội Người cao tuổi các cấp, cán bộ, hội viên có trách nhiệm thực hiện Hướng dẫn này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, tổ chức Hội các cấp cần phản ánh, báo cáo về Trung ương Hội để hướng dẫn.

Nơi nhận: *NH*

- Các Ủy viên BCH TW Hội;
- Các BDD, Hội NCT tỉnh, thành phố;
- Các Ban, VP, đơn vị trực thuộc TW Hội;
- Lưu VT, Ban TC-KT TW Hội.

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN XIN GIA NHẬP HỘI NGƯỜI CAO TUỔI

Kính gửi: - Hội Người cao tuổi xã ...(phường, thị trấn)
- Chi hội... (tổ hội...)

Tên tôi là :

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam, tôi có nguyện vọng gia nhập Hội Người cao tuổi, sinh hoạt tại chi hội ... (tổ hội...) thuộc Hội Người cao tuổi xã ...(phường, thị trấn..)

Nếu được chấp nhận, tôi xin chấp hành Điều lệ Hội và Nghị quyết, các quy định của Hội người cao tuổi; thực hiện nhiệm vụ hội viên; tham gia sinh hoạt hội và đóng hội phí đầy đủ.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Ý kiến của chi hội (tổ hội)

Ký tên
(hoặc điểm chỉ)

